

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2017/HSPT

Ngày 27 - 9 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Trần Thanh Tùng;

Bà Lê Hồng Hương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra – Cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Tống Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 204/2017/HSPT ngày 14 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn T;

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 79/2017/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Văn T, sinh năm 1996 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Tổ A, Ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Thợ nhôm kính; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 01/CSĐT ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ; bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Ông Trương Tiến D và ông Nguyễn Thế K, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Trương Tiến D – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Đường Hà Huy G, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; ông D và ông K vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

- Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T có Giấy phép lái xe mô tô hạng A1. Vào khoảng 21 giờ ngày 06 tháng 7 năm 2016, Nguyễn Văn T cùng với Nguyễn Văn H và Nguyễn Phi H (là bạn bè) gặp nhau và ngồi nhậu tại Quán H, thuộc Ấp Q, xã S, huyện Đ. Trong lúc ngồi nhậu, Phi H nói với Nguyễn Văn T và Văn H là có ý muốn bán chiếc xe mô tô biển số 60B4-463.XX của Phi H, nghe thấy Phi H nói vậy, Văn T liền ngỏ ý muốn mua lại chiếc xe và muốn được chạy thử. Phi H đồng ý cho Văn T được chạy thử chiếc xe của mình để kiểm tra xe của Phi H. Sau khi trao đổi, Văn H chạy xe của Phi H chạy trước, Văn T chạy xe mô tô biển số 60B4-454.XX của Văn H chạy sau.

Khi Văn T điều khiển xe chạy đến km 22, Tỉnh lộ 763, thuộc Ấp A, xã S thì phát hiện có một xe tải chạy cùng chiều nên Văn T đã điều khiển xe mô tô vượt sang bên trái và lấn sang phần đường của xe đi ngược chiều; khi vừa đi qua được 1/3 xe tải, Văn T thấy có ánh đèn của xe mô tô biển số 78F1-03XX do anh Lưu Văn T điều khiển đang đi ngược chiều với Văn T; do không kịp xử lý nên xe của Văn T đã đụng vào xe mô tô của anh Lưu Văn T đang lưu thông theo chiều ngược lại, gây tai nạn giao thông. Còn Văn H quay lại tìm Văn T thì phát hiện có xe mô tô và nạn nhân Lưu Văn T đang nằm giữa đường, Văn H thắng gấp làm xe bị ngã trượt vào lề đường bên phải theo hướng xã P đi xã S.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định khi xảy ra tai nạn, xe mô tô biển số 60B4-454.XX do Văn T điều khiển sau khi gây tai nạn nằm ngã nghiêng sang bên phải, thân xe nằm ở phần đất bên trong của mép đường trái, đầu xe hướng Quốc lộ 20; đo từ trục bánh xe trước và trục bánh xe sau vào vuông góc với mép đường chuẩn là 7,75m và 7,45m; đo từ trục bánh xe trước và trục bánh xe sau tại điểm mốc là 14,20m và 13,90m. Đối với xe mô tô biển số 78F1-03XX do anh Lưu Văn T điều khiển nằm ngã nghiêng sang bên trái, thân xe nằm trên phần đường xe chạy, đầu xe hướng Quốc lộ 1A, đo từ trục bánh xe trước và trục bánh xe sau vào vuông góc với mép đường chuẩn là 3,80m và 3,10m. Như vậy,

khi gây tai nạn, xe mô tô do Nguyễn Văn T điều khiển đã lấn sang trái (phần đường của anh Lưu Văn T), đi không đúng phần đường quy định gây tai nạn giao thông.

Tiến hành xác định nồng độ cồn trong máu của Nguyễn Văn T khi gây tai nạn vào ngày 06 tháng 7 năm 2016, Bệnh viện Đa khoa khu vực L xác định: Khi gây tai nạn nồng độ cồn trong máu của Nguyễn Văn T là 256,3 mg/dl (tương đương 256,3 mg/100ml máu).

Hậu quả anh Lưu Văn T chết tại hiện trường. Căn cứ bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số: 176/TT/2016 ngày 19 tháng 7 năm 2016 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai kết luận nguyên nhân chết của anh Lưu Văn T như sau: Đa chấn thương, chấn thương sọ não gây vỡ sọ đỉnh phải, vỡ xương đá hai bên và chảy máu nội sọ; kết hợp gãy xương vai phải, gãy hở 1/3 dưới đùi phải và gãy 1/3 giữa cẳng chân phải. Nồng độ cồn: 214,05 mg/100ml máu.

Vật chứng vụ án: 02 (hai) xe mô tô đã trao trả lại cho chủ sở hữu. Riêng xe mô tô biển số 78F1-03XX do anh Lưu Văn T điều khiển, Cơ quan Điều tra đang xác minh và sẽ xử lý sau.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T đã thỏa thuận bồi thường xong, người đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Thị T đã nhận tiền và làm đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Văn T.

Tại bản Cáo trạng số: 64/CT-VKS-HS ngày 10 tháng 5 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo Điểm b, Khoản 2, Điều 202 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 79/2017/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Áp dụng Điểm b, Khoản 2, Điều 202; Điểm b và p, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án. Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 12 tháng 7 năm 2017, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo đối với bản án sơ thẩm với nội dung: Để có điều kiện điều trị thương tật, yêu cầu được hưởng án treo.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau: Cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, mức án cấp sơ thẩm

xử phạt bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều a, Khoản 2, Điều 248 của Bộ luật Hình sự, bác kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ và ý kiến của Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

- Về tố tụng:

+ Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T có điều trị thương tích và đã xuất viện (bút lục số 142); đồng thời, bị cáo đã trực tiếp tham gia phiên tòa hình sự sơ thẩm.

+ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án vào ngày 18/9/2017, bị cáo Văn T vắng mặt. Cha của bị cáo Văn T là ông Nguyễn Văn N có làm đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bị cáo Văn T đang điều trị thương tích tại Bệnh viện Đa khoa T - Đồng Nai. Hội đồng xét xử đã ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2017/HSPT-QĐ, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 27/9/2017.

+ Ngày 20/9/2017, bị cáo Văn T có văn bản yêu cầu người bào chữa. Ngày 22/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Giấy chứng nhận người bào chữa số: 26/2017/HS-GCNNBC, chứng nhận ông Trương Tiến D và ông Nguyễn Thế K là người bào chữa cho bị cáo Văn T. Những người bào chữa đã được tiếp cận, nghiên cứu và sao chụp hồ sơ vụ án.

+ Ngày 27/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở lại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Văn T và những người bào chữa vắng mặt; ông Trương Tiến D có nộp đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do bận họp.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, các văn bản tố tụng liên quan nêu trên đều được tổng đạt hợp lệ cho bị cáo Văn T và những người bào chữa. Qua kết quả nghiên cứu hồ sơ, căn cứ Điều c, Khoản 2, Điều 187; Khoản 2, Điều 245 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Tiểu mục 3.2, Mục 3, Phần II của Nghị quyết số: 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ tư “Xét xử phúc thẩm” của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Về hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T:

Bị cáo Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô trong tình trạng nồng độ cồn trong máu vượt quá mức cho phép của pháp luật; bị cáo Văn T điều khiển xe sang phần đường ngược chiều, không đảm bảo an toàn nên đã va chạm với xe mô tô do anh Lưu Văn T điều khiển. Tai nạn xảy ra làm anh Lưu Văn T bị thương nặng và chết. Hành vi của bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 202 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về hình phạt:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng của người khác. Cấp sơ thẩm đã xem xét và đánh giá toàn bộ vụ án, nhân thân của bị cáo; đồng thời, đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; người đại diện hợp pháp của người bị hại đã làm đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bản thân bị cáo cũng bị thương tích trong vụ tai nạn này; người bị hại Lưu Văn T điều khiển xe mô tô với tình trạng nồng độ cồn trong máu vượt quá mức cho phép của pháp luật khi tham gia giao thông. Bản án sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là thỏa đáng và phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0706/GDPY ngày 07/9/2017 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai; kết luận về thương tích của bị cáo trong vụ tai nạn là 72%. Về tình trạng thương tích của bị cáo đã được cấp sơ thẩm xem xét trong bản án; đồng thời, việc cấp sơ thẩm quyết định xử phạt mức án dưới khung hình phạt là đã thể hiện chính sách khoan hồng đối với bị cáo. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Đối với phần trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điểm a, Khoản 2, Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng Điểm b, Khoản 2, Điều 202; Điểm b và p, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện Đ (2);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Nhà Tạm giữ - Công an huyện Đ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự-Công an huyện Đ;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bào chữa (2);
- Người đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành